

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2020/HS-ST
Ngày 16 - 7 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Thế Hiên

Bà Đặng Thị Lan Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 100/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2020/HSST-QĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Minh Anh T, tên gọi khác: không có; sinh ngày 14/6/1994 tại Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số *, ngõ 2*, đường B, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số 22*, đường S, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Nùng; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Phạm Văn D, sinh năm 1961 và bà Tạ Tổ U, sinh năm 1963; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1998; con: Có 01 con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Năm 2010 bị Công an thành phố Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng; Năm 2017 bị Công an quận X, thành phố Hà Nội lập danh chỉ bản về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và xử phạt hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy; bị cáo tại ngoại có mặt;

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Chu Thị Nguyễn P - Luật sư Văn phòng luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 8*, đường M, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
2. Chị Nguyễn Thị Hoàng T, sinh năm 1972; địa chỉ: Số 1*, Phô M, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
3. Chị Trần Thị Minh H, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 1* ngõ 2*, đường B, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
4. Chị Đinh Thị B, sinh năm 1975; địa chỉ: Số *, ngõ *, đường Lương Văn T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
5. Bà Lương Thị S, sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn V, xã Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.
6. Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1959; địa chỉ: Số 3*, đường C, phường I, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.
7. Anh Chu Thành C, sinh năm 2000; địa chỉ: Số 1**, khu N, thị trấn Đ1, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số *, đường V, phường I, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.
8. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1972; địa chỉ: Số *, ngõ 3*, đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
9. Chị Nguyễn Như Q, sinh năm 1995; địa chỉ: Số *, đường Đ2, KĐT P IV, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.
10. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1962; địa chỉ: Xã M, huyện H4, tỉnh B Giang; chỗ ở hiện nay: Số 2*, tổ *, khối **, thị trấn C1, huyện C1, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
11. Chị Hoàng Thu T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 2**, đường S, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
12. Chị La Thu T, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 3*, đường C, phường I, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
13. Anh Hà Minh T, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 6*, ngõ *, đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.
14. Anh Đoàn Trung K, sinh năm 1994; trú tại: Số 6*, đường B5, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.
15. Chị Phạm Tô O, sinh năm 1989; địa chỉ: Số *, ngõ *, đường L6, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
16. Chị Phạm Hồng P, sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn M, thị trấn M1, huyện I, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.
17. Chị Lộc Thị Thùy L, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 1, ngõ 3*, đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

18. Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1998; địa chỉ: Số 22*, đường S, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

19. Anh Phạm Đức C, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 2, đường Trần P, phường H, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: số 2*, đường N, phường H, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

20. Chị Lã Nguyệt A, sinh năm 1996; địa chỉ: Số nhà 2*, đường Thân Công T, khối 2, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Vũ Thế P, vắng mặt.

- *Người chứng kiến*: Ông Vũ Văn H và ông Hoàng Văn T, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn nhận được đơn trình báo của chị Nguyễn Thị T trình báo về việc vào khoảng tháng 10 năm 2019 chị có được vay số tiền 20.000.000đ của Phạm Minh Anh T, đến ngày 05/12/2019 do chưa trả được số tiền trên nên Phạm Minh Anh T có đến nhà gặp và dùng chân tay đánh vào vùng đầu, vùng mặt và bụng, gây thương tích. Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Minh Anh T thu giữ được: 01 ví da màu đen, kích thước 29 cm x 20 cm bên trong ví có: 11 tờ mẫu giấy A4 đề “Giấy vay tiền”; 08 tờ mẫu giấy A4 đề “Hợp đồng cho thuê xe ô tô - xe máy tự lái”; 01 tờ giấy vay tiền mang tên Đoàn Trung K, sinh năm 1994, trú tại số 61, đường B5, phường H, TP. Lạng Sơn; 01 tờ giấy kê ngang đề giấy vay tiền mang tên Trần Thị Minh H, sinh năm 1994 đề ngày 13/5/2019; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Phạm Minh Anh T số 082222183; 01 Chứng minh nhân dân mang tên Lã Nguyệt A số 0822*5698; 01 thẻ ngân hàng Techcombank mang tên Phạm Minh Anh T; 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Phạm Tố O; 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AC 00017057501 ngân hàng Agribank mang tên Phạm Hồng P; 01 Chứng nhận kiểm định số KC 7204830, biển số đăng ký 12A - 109.** và tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, màu đen, số máy 0408377, số khung 227497, biển kiểm soát 12P1 - 146.37 + 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 7 Plus, màu đen, số IMEI: 355834086019398, dung lượng 32Gb, màn hình bị nứt vỡ.

Phát hiện vụ việc có dấu hiệu của hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, Cơ quan điều tra đã phong tỏa tài khoản số 190.30097176.66.0 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam chi nhánh tỉnh Lạng Sơn của Phạm Minh Anh T để phục vụ quá trình điều tra.

Quá trình điều tra xác định được: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2018 đến tháng 12/2019 bị cáo Phạm Minh Anh T mở dịch vụ cho vay lãi dưới hình thức bóc bát họ, mỗi bát họ thống nhất với người vay là 10.000.000đ, bị cáo cắt trước tiền lãi từ 2.000.000đ đến 3.000.000đ/một bát họ, thời gian vay 50 ngày, cho vay tiền mặt trực tiếp hoặc chuyển qua tài khoản ngân hàng, có nhận cầm cố

tài sản hoặc không nhận cầm cố tài sản. Những trường hợp vay tiền được xác lập giấy vay tiền hoặc không cần xác lập giấy vay tiền tùy mối quan hệ và số lượng tiền vay để theo dõi và tính % lãi suất khác nhau. Quá trình cho vay, bị cáo không cộng dồn tiền vay gốc với tiền lãi chưa thanh toán để tính lãi. Người vay chỉ được nhận số tiền còn lại sau khi đã trừ tiền lãi. Bị cáo đã cho 14 người vay tiền cắt lãi xuất cao từ 146%/năm đến 608%/năm, cao gấp 7,3 lần đến 30,4 lần của mức lãi xuất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tổng số tiền Phạm Minh Anh T đã cho 14 người vay là 443.000.000đ và số tiền lãi hợp pháp là 10.810.960đ, số tiền thu lợi bất chính là 89.039.035 đồng. Cụ thể như sau:

1. Ngày 09/10/2019 bị cáo cho chị Nguyễn Thị T vay 02 bát họ tương đương số tiền 20.000.000đ, cắt tiền lãi 5.000.000đ tương ứng 2.500.000đ/01 bát họ và trừ luôn 400.000đ tiền gốc ngày vay, còn lại số tiền chị Nguyễn Thị T nhận được là 14.600.000đ. Trong 50 ngày chị Nguyễn Thị T phải trả tiền gốc cho bị cáo là 400.000đ/ngày. Khi vay tiền, bị cáo đưa cho chị Nguyễn Thị T 01 tờ giấy A4 đánh máy sẵn tiêu đề “giấy vay tiền” để chị Nguyễn Thị T điền thông tin cá nhân và số tiền vay là 20.000.000đ vào, giấy vay tiền không thể hiện lãi xuất vay. Tính đến ngày 05/12/2019, chị Nguyễn Thị T đã trả được cho bị cáo 10.000.000đ tiền gốc, còn nợ lại 10.000.000 đồng. Bị cáo Phạm Minh Anh T cho chị Nguyễn Thị T vay tiền với mức lãi xuất cho vay tương ứng 183%/năm, cao gấp 9,15 lần so với mức lãi xuất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Lãi hợp pháp là 547.945đ, số tiền thu lợi bất chính là 4.452.055đ.

2. Vào khoảng cuối tháng 2/2019, bị cáo cho chị Nguyễn Thị Hoàng T vay 01 bát họ tương đương 10.000.000đ, cắt lãi trước 2.000.000đ, số tiền chị Nguyễn Thị Hoàng T nhận được là 8.000.000đ. Trong vòng 50 ngày, mỗi ngày chị Nguyễn Thị Hoàng T phải trả cho bị cáo 200.000đ tiền gốc. Khi vay, chị Nguyễn Thị Hoàng T photo sổ hộ khẩu cùng chứng minh nhân dân cho bị cáo giữ, cả hai bên không viết giấy vay tiền, không thỏa thuận mức lãi xuất cho vay. Đến ngày 05/12/2019, chị Nguyễn Thị Hoàng T đã trả được cho bị cáo 9.100.000đ, còn nợ bị cáo 900.000đ. Bị cáo Phạm Minh Anh T cho Nguyễn Thị Hoàng T vay tiền với mức lãi xuất cho vay tương ứng 146%/năm, cao gấp 7,3 lần so với mức lãi xuất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Lãi hợp pháp 273.973đ, thu lợi bất chính 1.726.027đ.

3. Bị cáo đã cho chị Trần Thị Minh H vay tiền 05 lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 18/11/2018 bị cáo cho vay 03 bát họ tương ứng số tiền 30.000.000đ, cắt lãi trước 7.500.000đ tương ứng 2.500.000đ/bát họ, số tiền chị Trần Thị Minh H nhận được là 22.500.000đ. Trong vòng 50 ngày, mỗi ngày chị Trần Thị Minh H phải trả tiền gốc cho bị cáo là 600.000đ. Khi cho vay, bị cáo yêu cầu chị Trần Thị Minh H điền thông tin cá nhân và số tiền vay vào 01 giấy vay tiền được đánh máy sẵn, chị Trần Thị Minh H để lại sổ hộ khẩu của gia đình và bản sao chứng minh thư nhân dân cho bị cáo cầm. Khoản vay này chị Trần Thị Minh H đã trả hết tiền gốc cho bị cáo.

Lần thứ hai: Ngày 27/12/2018 bị cáo cho vay 03 bát họ tương ứng số tiền 30.000.000đ, bị cáo cắt lãi trước 7.500.000đ và 600.000đ tiền gốc ngày vay, số

tiền chị Trần Thị Minh H nhận được là 21.900.000đ. Khoản vay này chị Trần Thị Minh H đã trả hết tiền nợ gốc cho bị cáo.

Lần thứ ba: Ngày 01/02/2019 bị cáo cho vay 03 bát họ tương ứng số tiền 30.000.000đ, bị cáo cắt lãi trước 6.000.000đ và 600.000đ tiền gốc ngày vay, số tiền chị Trần Thị Minh H nhận được là 23.400.000đ. Trong vòng 50 ngày, chị Trần Thị Minh H phải trả tiền gốc cho bị cáo là 600.000đ/ngày. Tính đến tháng 3 năm 2019, chị Trần Thị Minh H đã trả hết nợ gốc cho bị cáo.

Lần thứ tư: Ngày 23/3/2019 bị cáo cho vay 01 bát họ tương ứng 10.000.000đ, cắt lãi trước 2.000.000đ và 400.000đ tiền gốc ngày vay, bị cáo chuyển vào tài khoản số 3511.0000.22231 cho chị Trần Thị Minh H 7.600.000đ. Trong 50 ngày, mỗi ngày chị Trần Thị Minh H phải trả bị cáo 200.000đ tiền gốc. Khoản vay này, chị Trần Thị Minh H đã trả hết tiền nợ gốc cho bị cáo.

Lần thứ năm: Ngày 13/9/2019 bị cáo cho vay 01 bát họ tương ứng số tiền 10.000.000đ, cắt lãi 2.500.000đ và 200.000đ tiền gốc ngày vay, còn lại 7.300.000đ bị cáo chuyển vào tài khoản số 3511.0000.22231 của chị Trần Thị Minh H 7.300.000đ. Quá trình trả tiền gốc, chị Hương đã chuyển khoản cho T 2.200.000đ, trả tiền mặt 5.800.000đ. Khoản vay này, chị Trần Thị Minh H đã trả hết tiền nợ gốc cho bị cáo.

Tổng số tiền bị cáo đã cho chị Trần Thị Minh H vay trong 5 lần là 110.000.000đ, với mức lãi xuất tương ứng từ 146% và 183%/năm, cao gấp 7,3 và 9,15 lần so với lãi xuất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Lãi hợp pháp là 3.013.700đ, thu lợi bất chính là 23.986.300đ.

4. Bị cáo đã cho chị Đinh Thị B vay tiền 02 lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 01/01/2019 bị cáo cho chị Đinh Thị B vay 01 bát họ tương ứng số tiền 10.000.000đ, cắt trước tiền lãi là 3.000.000đ, số tiền chị Đinh Thị B nhận được là 7.000.000đ, trong vòng 50 ngày, mỗi ngày chị Đinh Thị B phải trả cho bị cáo 200.000đ tiền gốc. Khi vay, bị cáo yêu cầu chị Đinh Thị B điền thông tin vào 01 tờ giấy vay tiền đã đánh máy sẵn, để lại bản photo chứng minh thư và sổ hộ khẩu cho bị cáo giữ. Khoản vay này, chị Đinh Thị B đã trả được cho bị cáo 8.800.000đ tiền nợ gốc.

Lần thứ hai: Do không có khả năng thanh toán khoản vay ngày 01/01/2019, nên ngày 18/02/2019 chị Đinh Thị B vay tiếp của bị cáo Phạm Minh Anh T 01 bát họ tương đương 10.000.000đ. Do bát họ vay ngày 01/01/2019, chị Đinh Thị B trả không đúng hạn hay bị chậm ngày nên bị cáo đã thu 2.000.000đ tiền phạt và trừ luôn số tiền còn thiếu nợ lần trước là 1.200.000đ, cắt trước tiền lãi là 3.000.000đ và thu luôn 200.000đ tiền gốc ngày vay, chị B chỉ còn được nhận lại 3.600.000đ tiền mặt. Khoản vay này chị Đinh Thị B đã trả hết nợ gốc cho bị cáo.

Tổng số tiền bị cáo Phạm Minh Anh T cho chị Đinh Thị B vay là 20.000.000đ, mức lãi xuất cho vay tương ứng 219%/năm, cao gấp 10,95 lần so với mức lãi xuất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự, lãi xuất hợp pháp 547.946đ, thu lợi bất chính là 5.452.054đ.

5. Bị cáo đã cho bà Lương Thị S vay tiền 5 lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 25/01/2019 bị cáo cho bà Lương Thị S vay 1,5 bát họ tương ứng số tiền 15.000.000đ. Bị cáo yêu cầu bà Lương Thị S điền thông tin cá nhân và số tiền vay vào giấy vay tiền được đánh máy sẵn và để lại chứng minh thư nhân dân, sổ hộ khẩu bản gốc của bà Lương Thị S cho bị cáo giữ. Bị cáo cắt trước tiền lãi là 3.750.000đ, số tiền còn lại bà Lương Thị S được nhận là 11.250.000đ. Trong vòng 50 ngày, mỗi ngày bà Lương Thị S phải trả cho bị cáo là 300.000đ tiền gốc và bà Lương Thị S đã trả được tiền gốc cho bị cáo trong 40 ngày tương đương số tiền là 12.000.000đ, còn nợ lại bị cáo 3.000.000đ.

Lần thứ hai: Ngày 05/3/2019 bị cáo tiếp tục cho bà Lương Thị S vay 1,5 bát họ tương ứng số tiền 15.000.000đ. Sau khi cho bà Lương Thị S viết giấy vay nợ và giữ giấy chứng minh thư nhân dân của bà Lương Thị S, bị cáo trừ tiền lãi là 3.750.000đ, trừ luôn số tiền còn nợ lần trước là 3.000.000đ, số tiền còn lại bà Lương Thị S được nhận là 8.250.000đ. Trong vòng 50 ngày, mỗi ngày bà Lương Thị S phải trả cho bị cáo tiền gốc là 300.000đ, bà Lương Thị S đã trả tiền gốc được 40 ngày tương đương số tiền là 12.000.000đ, còn nợ lại 3.000.000đ thì không có khả năng trả nợ nên tiếp tục đến gặp bị cáo để vay tiền.

Lần thứ ba: Ngày 15/5/2019 bị cáo tiếp tục cho bà Lương Thị S vay 15.000.000đ, bị cáo trừ 3.000.000đ tiền nợ của lần vay trước và cắt trước tiền lãi 3.750.000đ, bà Lương Thị S được nhận số tiền là 8.250.000đ. Trong vòng 50 ngày, bà Lương Thị S phải trả tiền gốc là 300.000đ/ngày và đã trả được 40 ngày tương ứng số tiền là 12.000.000đ, còn nợ lại 3.000.000đ.

Lần thứ tư: Bị cáo tiếp tục cho bà Lương Thị S vay 15.000.000đ, trừ 3.000.000đ tiền nợ lần vay trước và cắt tiền lãi 3.750.000đ, bà Lương Thị S còn nhận được số tiền là 8.250.000đ, trong 50 ngày, mỗi ngày bà Lương Thị S phải trả cho bị cáo 300.000đ tiền gốc. Khoản vay này bà Lương Thị S đã trả tiền gốc được 36 ngày tương ứng số tiền là 10.800.000đ, còn nợ lại 4.200.000đ.

Lần thứ năm: Do bà Lương Thị S vẫn đang nợ tiền bị cáo nên khoảng tháng 9/2019 bà Lương Thị S có điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12P1 – 146.37 đến nhà bị cáo hỏi vay 3.000.000đ và đặt lại chiếc xe mô tô. Bị cáo đồng ý cho bà Lương Thị S vay, cắt lãi 500.000đ, bà S nhận được số tiền là 2.500.000đ. Sau đó 03 ngày bà Lương Thị S đến nhà trả cho bị cáo 3.000.000đ và lấy xe mô tô về nhưng bị cáo không đồng ý mà yêu cầu bà Lương Thị S phải trả cả số tiền nợ của lần vay trước tổng là 8.000.000đ nhưng bà Lương Thị S không đồng ý, đến nay bà Lương Thị S còn nợ 7.200.000đ.

Tổng số tiền Phạm Minh Anh T cho bà Lương Thị S vay trong 5 lần trên là 63.000.000đ, mức lãi xuất cho vay tương ứng là 183%/năm và 608%/năm, cao gấp 9,15 và 30,4 lần mức lãi xuất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự. Tiền lãi hợp pháp 1.660.274đ, thu lợi bất chính 13.839.726đ.

6. Bị cáo đã cho bà Đỗ Thị L vay tiền 02 lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 27/10/2019 bị cáo cho bà Đỗ Thị L vay 10.000.000đ, cắt trước tiền lãi 2.500.000đ, trừ 200.000đ tiền gốc ngày vay và trừ 3.200.000đ

bà Đỗ Thị L còn nợ bị cáo trước đó. Trong vòng 50 ngày, mỗi ngày bà Đỗ Thị L phải trả cho bị cáo 200.000đ tiền gốc. Số tiền bà Đỗ Thị L nhận được là 4.100.000đ. Khoản vay này bà Đỗ Thị L đã trả được 5.800.000đ, còn nợ lại 4.200.000đ.

Lần thứ hai: Ngày 25/11/2019 bị cáo cho bà Đỗ Thị L vay 01 bát họ tương đương 10.000.000đ, cắt lãi 2.500.000đ, thu luôn 200.000đ tiền gốc ngày vay và trừ luôn số tiền bà Đỗ Thị L còn nợ trước đó là 4.200.000đ, số tiền bà Đỗ Thị L được nhận là 3.100.000đ tiền mặt. Trong vòng 50 ngày, mỗi ngày bà Đỗ Thị L phải trả cho bị cáo 200.000đ tiền gốc. Khoản vay này, bà Đỗ Thị L đã trả hết nợ gốc cho bị cáo.

Tổng số tiền bị cáo Phạm Minh Anh T cho bà Đỗ Thị L vay là 20.000.000đ, mức lãi xuất cho vay tương ứng 183%/năm, cao gấp 9,15 lần mức lãi xuất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự, tiền lãi hợp pháp là 547.946đ, thu lợi bất chính là 4.452.054đ.

7. Ngày 30/10/2019 bị cáo cho anh Chu Thành C vay 02 bát họ tương đương số tiền 20.000.000đ, cắt lãi trước 4.000.000đ và thu luôn 400.000đ tiền gốc ngày vay, còn lại 15.600.000đ bị cáo chuyển vào tài khoản của Chu Thành C số tài khoản là 190329277760 số tiền 10.600.000đ và đưa tiền mặt cho Chu Thành C là 5.000.000đ. Trong vòng 50 ngày, mỗi ngày Chu Thành C phải trả cho bị cáo 400.000đ tiền gốc. Khi vay, bị cáo yêu cầu Chu Thành C điền thông tin cá nhân và số tiền cần vay vào giấy vay tiền đã được đánh máy sẵn và giữ lại chứng minh thư nhân dân của Chu Thành C. Khoản vay này Chu Thành C đã trả đủ tiền gốc cho bị cáo. Như vậy, bị cáo đã cho Chu Thành C vay tiền với mức lãi xuất cho vay tương ứng 146%/năm, cao gấp 7,3 lần lãi xuất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Tiền lãi hợp pháp là 547.945đ, thu lợi bất chính là 3.452.055đ.

8. Ngày 09/12/2019 bị cáo đã cho chị Nguyễn Thị N vay 01 bát họ tương đương số tiền 10.000.000đ, cắt lãi trước 3.000.000đ, số tiền chị Nguyễn Thị N được nhận là 7.000.000đ. Khi vay bị cáo yêu cầu chị Nguyễn Thị N điền thông tin cá nhân và số tiền cần vay vào giấy vay tiền đã được đánh máy sẵn và giữ lại chứng minh thư nhân dân của chị Nguyễn Thị N. Trong vòng 50 ngày, mỗi ngày chị Nguyễn Thị N phải trả cho bị cáo 200.000đ tiền gốc. Khoản vay này chị Nguyễn Thị N đã trả hết cho bị cáo. Như vậy, bị cáo đã cho chị Nguyễn Thị N vay tiền với mức lãi xuất cho vay tương ứng là 219%/năm, gấp 10,95 lần so với mức lãi xuất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, tiền lãi hợp pháp là 273.973đ, thu lợi bất chính là 2.726.027đ.

9. Ngày 05/9/2019 bị cáo cho chị Nguyễn Như Q vay 3 bát họ tương đương số tiền 30.000.000đ, cắt lãi trước 7.500.000đ và thu luôn 600.000đ tiền gốc ngày vay, còn lại bị cáo chuyển khoản vào tài khoản Viettinbank số 108867040237 của Nguyễn Như Q số tiền là 21.900.000đ. Trong vòng 50 ngày, mỗi ngày chị Nguyễn Như Q phải trả cho bị cáo 600.000đ tiền gốc. Khi vay, bị cáo yêu cầu chị Nguyễn Như Q điền thông tin cá nhân vào giấy vay tiền, ký 01 giấy thuê xe ô tô mục đích để che giấu việc bị cáo cho vay cắt lãi xuất cao, bị

cáo giữ lại chứng minh thư nhân dân và sổ hộ khẩu của chị Nguyễn Như Q. Khoản vay này chị Nguyễn Như Q đã trả được cho bị cáo 25.000.000đ, còn nợ lại 5.000.000đ. Như vậy, bị cáo Phạm Minh Anh T đã cho chị Nguyễn Như Q vay tiền với mức lãi xuất cho vay tương ứng là 183%/năm, cao gấp 9,15 lần so với mức lãi xuất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự, tiền lãi hợp pháp là 821.918đ, thu lợi bất chính là 6.678.082đ.

10. Ngày 30/9/2019, bị cáo cho Đặng Thị H vay 01 bát họ tương đương 10.000.000đ, cắt lãi trước 2.500.000đ và 400.000đ tiền gốc ngày vay, số tiền còn lại chị Đặng Thị H nhận được là 7.100.000đ. Khi vay tiền, bị cáo yêu cầu chị Đặng Thị H điền thông tin cá nhân và số tiền cần vay vào giấy vay tiền đã được đánh máy sẵn và giữ lại chứng minh thư nhân dân của chị Đặng Thị H. Trong vòng 50 ngày, mỗi ngày chị Hòa phải trả cho bị cáo 200.000đ tiền gốc. Khoản vay này chị Đặng Thị H đã trả cho bị cáo 3.000.000đ tiền gốc, còn nợ lại 7.000.000đ. Bị cáo cho chị Đặng Thị H vay tiền với mức lãi xuất tương ứng 183%/năm, cao gấp 9,15 lần mức lãi xuất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự, tiền lãi hợp pháp được hưởng là 273.973đ, thu lợi bất chính là 2.226.027đ.

11. Ngày 04/01/2019 bị cáo cho Hoàng Thu T vay 01 bát họ tương đương 10.000.000đ, cắt lãi 2.500.000đ, số tiền chị Hoàng Thu T nhận được là 7.500.000đ. Trong vòng 50 ngày, mỗi ngày chị Hoàng Thu T phải trả cho bị cáo là 200.000đ tiền gốc. Khoản vay này chị Hoàng Thu T đã trả được 6.000.000đ tiền gốc, còn nợ bị cáo 4.000.000đ. Bị cáo đã cho chị Hoàng Thu T vay tiền với mức lãi xuất tương ứng 183%/năm, gấp 9,15 lần so với mức lãi xuất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, tiền lãi hợp pháp là 273.973đ, thu lợi bất chính là 2.226.027đ.

12. Bị cáo đã cho chị La Thu T vay tiền 06 lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 14/01/2019, bị cáo cho La Thu T vay 01 bát họ với số tiền 10.000.000đ, cắt lãi trước 2.500.000đ và thu 200.000đ tiền gốc ngày vay. Số tiền chị La Thu T nhận được là 7.300.000đ. Trong vòng 50 ngày, mỗi ngày chị La Thu T phải trả cho bị cáo 200.000đ tiền gốc và chị La Thu T đã chuyển tiền qua tài khoản trả nợ gốc cho bị cáo hàng ngày.

Lần thứ hai: Ngày 14/02/2019, cũng với cách thức trên, bị cáo đã cho chị La Thu T vay 10.000.000đ, cắt trước 2.500.000đ tiền lãi và thu 200.000đ tiền gốc ngày vay, chị La Thu T nhận được số tiền còn lại là 7.300.000đ. Mỗi ngày chị La Thu T đều chuyển khoản trả cho bị cáo 200.000đ tiền gốc.

Lần thứ ba: Ngày 21/02/2019, bị cáo tiếp tục cho La Thu T vay 10.000.000đ, cắt lãi trước 2.500.000đ, thu 200.000đ tiền gốc ngày vay và trừ luôn 2.600.000đ số tiền còn nợ của khoản vay ngày 14/01/2019, chị La Thu T được nhận số tiền còn lại là 4.700.000đ, mỗi ngày chị La Thu T đều chuyển khoản trả cho bị cáo 200.000đ tiền gốc.

Lần thứ tư: Ngày 19/3/2019, bị cáo tiếp tục cho chị La Thu T vay 10.000.000đ, cắt lãi trước 2.500.000đ và thu 200.000đ tiền gốc ngày vay và trừ

3.000.000đ số tiền còn nợ của khoản vay ngày 14/02/2019. Chị La Thu T nhận được số tiền còn lại là 4.300.000đ bằng tiền mặt. Mỗi ngày chị La Thu T đều phải trả cho bị cáo 200.000đ tiền gốc.

Lần thứ năm: Ngày 26/3/2019 bị cáo lại cho vay 10.000.000đ, cũng cắt tiền lãi 2.500.000đ và thu 200.000đ tiền gốc ngày vay và trừ 2.800.000đ tiền còn thiếu vào ngày 21/02/2019, chị La Thu T nhận được số tiền còn lại 4.500.000đ, mỗi ngày chị La Thu T đều trả tiền mặt hoặc chuyển qua tài khoản ngân hàng cho bị cáo là 200.000đ tiền nợ gốc.

Lần thứ sáu: Ngày 04/4/2019 bị cáo cho chị La Thu T vay 25.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Khi cho vay, bị cáo cắt luôn 1.750.000đ tiền lãi của 10 ngày vay. Chị La Thu T nhận được số tiền là 23.250.000đ tiền mặt. Đến ngày 26/4/2019, La Thu T tiếp tục trả thêm cho bị cáo 3.250.000đ tiền lãi. Do La Thu T không có khả năng thanh toán nợ cho bị cáo, hai bên thỏa thuận không tính thêm tiền lãi.

Các khoản vay trên, đến nay chị La Thu T đã thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ gốc cho bị cáo Phạm Minh Anh T. Tổng số tiền bị cáo cho chị La Thu T vay trong 6 lần nêu trên là 75.000.000đ, mức lãi xuất cho vay tương ứng là 183%/năm và 243%/năm, cao gấp 9,15 và 12,15 lần mức lãi xuất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự, tiền lãi hợp pháp là 1.780.824đ, thu lợi bất chính là 15.719.176đ.

13. Bị cáo cho Hà Minh T vay tiền 02 lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 04/10/2019 cho Hà Minh T vay 02 bát họ tương ứng với số tiền là 20.000.000đ, bị cáo cắt trước tiền lãi 5.000.000đ và thu luôn 400.000đ tiền gốc ngày vay, số tiền còn lại Hà Minh T được nhận là 14.600.000đ. Đến ngày 14/10/2019, Hà Minh T đã trả tiền gốc cho bị cáo nên bị cáo lấy của Hà Minh T 1.000.000đ tiền lãi, tương đương với lãi suất 5.000đ/triệu/ngày. Số tiền nợ này Hà Minh T đã trả hết cho bị cáo.

Lần thứ hai: Ngày 27/10/2019, bị cáo lại cho Hà Minh T vay 20.000.000đ, bị cáo cắt trước tiền lãi 5.000.000đ và thu luôn 400.000đ tiền gốc ngày vay, số tiền còn lại bị cáo đã giao 3.000.000đ tiền mặt và chuyển qua tài khoản ngân hàng cho Hà Minh T 11.600.000đ. Đến ngày 05/11/2019, do Hà Minh T đã trả tiền gốc cho bị cáo nên bị cáo đã thu của Hà Minh T 1.000.000đ tiền lãi, tương đương với lãi suất 5.000đ/triệu/ngày. Khoản vay này, Hà Minh T đã trả hết cho bị cáo.

Bị cáo Phạm Minh Anh T cho Hà Minh T vay 02 lần với tổng số tiền là 40.000.000đ, lãi xuất cho vay tương ứng với mức lãi xuất 183%/năm, cao gấp 9,15 lần mức lãi xuất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự, tiền lãi hợp pháp là 219.178đ, thu lợi bất chính là 1.780.822đ.

14. Ngày 02/12/2019, bị cáo lại cho Đoàn Trung K vay 5.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 7.000đ/triệu/ngày, thời điểm tính lãi từ ngày vay. Bị cáo cắt trước 350.000đ tiền lãi của 10 ngày vay, đến nay Đoàn Trung K đã trả hết nợ cho bị cáo. Mức lãi xuất mà bị cáo cho Đoàn Trung K vay tương ứng với

256%/năm, gấp 12,8 lần lãi suất được phép theo quy định của Bộ luật Dân sự, tiền lãi hợp pháp là 27.397đ, thu lợi bất chính là 322.603đ.

Quá trình điều tra, một số người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm bà Đỗ Thị L khai có vay của bị cáo 02 lần mỗi lần 5.000.000đ và bị cắt lãi trước 1.000.000đ, tuy nhiên khi tiến hành đối chất, bà Đỗ Thị L khai chỉ vay tiền của bị cáo 02 lần, mỗi lần 10.000.000đ và bị cắt lãi xuất 2.500.000đ/1lần vay. Chị Ngô Thị Hương khai vay của bị cáo 30.000.000đ, bị cắt lãi trước 7.500.000đ. Anh Triệu Tiến Đạt khai vay 06 lần, bị cắt lãi 2.000.000đ/lần/1 bát họ. Trong giai đoạn truy tố, bà Đỗ Thị L, chị Ngô Thị Hương và anh Triệu Tiến Đạt gửi đơn đến Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn thay đổi lời khai khác với lời khai trong quá trình điều tra, cho rằng bị cáo đã cho vay không lấy lãi do có mối quan hệ thân thiết. Ngày 05/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn đã Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung do vụ án phát sinh tình tiết mới. Kết quả điều tra bổ sung xác định: Các khoản vay trên giữa bị cáo và chị Ngô Thị Hương, anh Triệu Tiến Đạt và bà Đỗ Thị L là những khoản vay không tính lãi suất, xác định đây là quan hệ dân sự, không xem xét giải quyết trong vụ án. Bà Hoàng Thị Hiền khai vay của bị cáo 02 bát họ, mỗi bát 10.000.000đ bị cắt trước tiền lãi mỗi bát họ là 2.500.000đ, bị cáo không thừa nhận được cho bà Hoàng Thị Hiền vay tiền cắt lãi xuất cao. Quá trình điều tra, ngày 05/01/2020 bà Hoàng Thị Hiền chết, ngoài lời khai của bà Hoàng Thị Hiền, không có tài liệu chứng minh nên không đủ căn cứ để xử lý đối với bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 102/CT-VKSTP ngày 29/5/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, đã truy tố bị cáo Phạm Minh Anh T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Minh Anh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố nêu trên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Hoàng T, chị Trần Thị Minh H, chị Đinh Thị B, bà Lương Thị S, bà Đỗ Thị L, anh Chu Thành C, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Như Q, bà Đặng Thị H, chị Hoàng Thu T, chị La Thu T, anh Hà Minh T, anh Đoàn Trung K vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình điều tra, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nêu trên đều khai nhận được vay tiền cắt lãi xuất cao với bị cáo Phạm Minh Anh T như bị cáo khai, cụ thể:

Chị Nguyễn Thị T khai được vay của bị cáo 20.000.000đ, bị cắt tiền lãi và trừ tiền gốc ngày vay, chị còn được nhận 14.600.000đ và chị đã trả được cho bị cáo 10.000.000đ tiền gốc, còn nợ lại 10.000.000đ.

Chị Nguyễn Thị Hoàng T khai được vay của bị cáo 10.000.000đ, bị cắt tiền lãi và trừ tiền gốc ngày vay, chị còn được nhận 8.000.000đ, nay chị đã trả được 9.100.000đ tiền nợ gốc, còn nợ lại 900.000đ.

Chị Trần Thị Minh H khai được vay 05 lần với tổng số tiền là 110.000.000đ, đều đã trả hết nợ gốc cho bị cáo.

Chị Đinh Thị B khai được vay của bị cáo 02 lần với tổng số tiền là 20.000.000đ, đã trả hết nợ gốc cho bị cáo.

Bà Lương Thị S khai được vay tiền của bị cáo 05 lần với tổng số tiền là 63.000.000đ, đã trả được tổng 55.800.000đ tiền gốc, còn nợ 7.200.000đ.

Bà Đỗ Thị L khai vay của bị cáo 02 lần với tổng số tiền là 20.000.000đ, đã trả hết nợ gốc cho bị cáo.

Anh Chu Thành C khai được vay của bị cáo 20.000.000đ, bị cắt lãi 4.000.000đ và thu 400.000đ tiền gốc ngày vay, số tiền bà S nhận được tổng là 15.600.000đ, nay bà đã trả đủ tiền nợ gốc cho bị cáo.

Chị Nguyễn Thị N khai vay 10.000.000đ, bị cắt lãi trước 3.000.000đ, số tiền còn lại chị nhận được là 7.000.000đ, nay chị đã trả hết nợ gốc.

Chị Nguyễn Như Q khai được vay 30.000.000đ, bị cắt lãi trước 7.500.000đ và 600.000đ tiền gốc ngày vay, chị còn được nhận 21.900.000đ, nay chị đã trả được 25.000.000đ tiền gốc, còn nợ 5.000.000đ

Chị Đặng Thị H khai được vay 10.000.000đ, bị cắt lãi trước 2.500.000đ và 400.000đ tiền gốc ngày vay, số tiền chị còn được nhận là 7.100.000đ, đến nay chị đã trả được 3.000.000đ tiền nợ gốc, còn nợ 7.000.000đ.

Chị Hoàng Thu T khai được vay 10.000.000đ, bị cắt lãi trước 2.500.000đ, chị còn được nhận 7.500.000đ, nay chị đã trả được 6.000.000đ tiền gốc, còn nợ 4.000.000đ.

Chị La Thu T khai được vay 6 lần với tổng số tiền là 75.000.000đ, đã trả hết nợ gốc cho bị cáo.

Anh Hà Minh T khai được vay 02 lần với tổng số tiền là 40.000.000đ, đã trả được hết nợ cho bị cáo.

Anh Đoàn Trung K khai được vay của bị cáo 5.000.000đ, lãi thỏa thuận là 7.000đ/1 triệu/ ngày, thời điểm vay anh bị cắt trước tiền lãi là 350.000đ/10 ngày, hiện anh đã trả hết nợ gốc cho bị cáo.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thùy L khai, chị là vợ của bị cáo, số tiền trong tài khoản bị cáo bị phong tỏa có 36.000.000đ là tiền hàng của chị gửi vào tài khoản của bị cáo để nhờ bị cáo chuyển trả tiền cho khách nhưng bị cáo chưa trả, nay chị yêu cầu được nhận lại số tiền trên, ngoài ra chị không có ý kiến yêu cầu gì. Anh Phạm Đức C khai: Phạm Minh Anh T là cháu rể lấy cháu gái của anh; việc bị cáo có tờ mẫu giấy vay tiền mang tên anh, anh không biết vì sao; bản thân anh không được cho ai vay tiền bao giờ và cũng không gặp nói chuyện với bị cáo lần nào nên không được nghe bị cáo nói làm giấy vay tiền có tên anh bao giờ. Chị Phạm Tố O khai do là chị em ruột nên chị đã cho bị cáo sử dụng thẻ tín dụng của chị mở tại ngân hàng BIDV để giao dịch, khi đó trong tài khoản của chị không có tiền, việc bị cáo cho vay lãi cao chị không biết và không được góp tiền với bị cáo để cho vay lãi cao bao giờ, nay chiếc thẻ đó vẫn thuộc quyền sở hữu của chị. Chị Phạm Hồng P khai: Do có quan hệ họ hàng nên chị có được gửi nhờ bị cáo giữ hộ 01 sổ tiết kiệm mang tên

chị mở tại ngân hàng Agribank hiện chưa lấy lại; bản thân chị không được vay hoặc để lại giấy tờ gì để vay tiền của bị cáo lần nào. Chị Lộc Thị Thùy L khai: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, màu đen, số máy 0408377, số khung 227497, biển kiểm soát 12P1 - 146.37 là tài sản của chị cho mẹ là Lương Thị S sử dụng để đi lại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Minh Anh T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Minh Anh T mức án tù 30 (ba mươi) tháng đến 36 (ba mươi sáu) tháng cải tạo không giam giữ; khấu trừ thu nhập đối với bị cáo từ 300.000đ đến 500.000đ/tháng; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về áp dụng biện pháp tư pháp: Truy thu đối với bị cáo Phạm Minh Anh T số tiền gốc bị cáo sử dụng phạm tội là 408.900.000đ và tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định là 10.810.000đ; buộc bị cáo phải trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Trả cho Nguyễn Thị T số tiền là 4.452.055đ; trả cho Nguyễn Thị Hoàng T số tiền là 1.726.027đ; trả cho Trần Thị Minh H số tiền là 23.986.300đ; trả cho Đinh Thị B, số tiền là 5.452.054đ; trả cho Lương Thị S số tiền là 13.839.726đ; trả cho Đỗ Thị L số tiền là 4.452.054đ; trả cho Chu Thành C số tiền là 3.452.055đ; trả cho Nguyễn Thị N số tiền là 2.726.027đ; trả cho Nguyễn Như Q số tiền là 6.678.082đ; trả cho Đặng Thị H số tiền là 2.226.627đ; trả cho Hoàng Thu T số tiền là 2.226.027đ; trả cho La Thu T số tiền là 15.719.176đ; trả cho Hà Minh T số tiền là 1.780.822đ; trả cho Đoàn Trung K số tiền là 322.603đ. Tiếp tục duy trì lệnh phong tỏa đối với tài khoản số 190.30097176.66.0 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam chi nhánh tỉnh Lạng Sơn mang tên Phạm Minh Anh T theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 03/LPTTK-CQĐT ngày 09/12/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn và biên bản phong tỏa tài khoản ngày 10/12/2019 để đảm bảo thi hành án. Số tiền trong tài khoản bị phong tỏa có 36.000.000đ là của chị Nguyễn Thị Thùy L (vợ bị cáo), nên yêu cầu trả lại cho chị Nguyễn Thị Thùy L.

3. Truy thu số tiền nợ gốc chưa trả của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể: Truy thu của chị Nguyễn Thị T số tiền là 10.000.000đ; của chị Nguyễn Thị Hoàng T số tiền là 900.000đ; của bà Lương Thị S số tiền là 7.200.000đ; của chị Nguyễn Như Q số tiền là 5.000.000đ; của bà Đặng Thị H số tiền là 7.000.000đ; của chị Hoàng Thu T số tiền là 4.000.000đ.

4. Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 7 Plus, màu đen, số IMEI: 355834086019398, dung lượng 32Gb, màn hình bị nứt vỡ; tịch thu tiêu hủy gồm: 11 tờ mẫu giấy A4 đề "Giấy vay tiền" + 08 tờ mẫu giấy A4 đề "Hợp đồng cho thuê xe ô tô - xe máy

tự lái” + 01 tờ giấy vay tiền mang tên Đoàn Trung K, sinh năm 1994, trú tại số 61, đường B5, phường H, TP. Lạng Sơn + 01 tờ giấy kê ngang đề giấy vay tiền mang tên Trần Thị Minh H, sinh năm 1994 đề ngày 13/5/2019; trả lại cho bị cáo Phạm Minh Anh T 01 ví da màu đen, kích thước 29 cm x 20 cm + 01 thẻ ngân hàng Techcombank mang tên bị cáo; trả cho chị Lã Nguyệt A 01 chứng minh nhân dân số 0822*5698 mang tên Lã Nguyệt A; trả cho Phạm Tổ O 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Phạm Tổ O.

Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Về hành vi và tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo là đúng, luật sư không có ý kiến gì. Về hình phạt: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi đã gây ra; bản thân bị cáo còn có mẹ đẻ là bà Tạ Tố Uyên quá trình công tác được Chủ tịch nước tặng thưởng huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng nhì vào năm 2016, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Ngoài ra, hành vi phạm tội của bị cáo còn có một phần lỗi của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Nhà nước, không có vi phạm gì đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về áp dụng hình phạt bổ sung đề nghị không áp dụng do hoàn cảnh bị cáo còn khó khăn; số tiền bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội hiện một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chưa trả cho bị cáo nên đề nghị truy thu đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ngoài ra số tiền đó bị cáo sử dụng quay vòng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định truy thu; đề nghị Hội đồng xét xử xóa phong tỏa tài khoản của bị cáo tại Ngân hàng Techcombank chi nhánh tỉnh Lạng Sơn do trong tài khoản có cả tài sản của vợ bị cáo. Từ những ý kiến trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Bị cáo nhất trí với phần bào chữa của Luật sư và không có ý kiến tranh luận bổ sung; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo thể hiện thái độ ăn năn hối hận về hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Lạng Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng. Các quyết định, hành vi tố tụng đã thực hiện là hợp pháp. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, những người tham gia tố

tụng không có khiếu nại đối với quyết định, hành vi của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như Cáo trạng đã truy tố, phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra cũng như lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2018 đến tháng 12/2019 Phạm Minh Anh T mở dịch vụ cho vay lãi dưới hình thức bốc bát họ, mỗi bát họ là 10.000.000đ. Bị cáo đã cho 14 người vay với tổng số tiền là 443.000.000đ, vay với lãi xuất từ 146%/năm đến 608%/năm, cao gấp 7,3 lần đến 30,4 lần của mức lãi xuất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính tổng số tiền là 89.039.035đ (vượt mức cho phép quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự). Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Minh Anh T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, Ngân hàng, hành vi đó làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình cho quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng pháp luật nghiêm cấm nhưng do háms lợi và coi thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội, do đó hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật để giáo dục bị cáo và đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; ngoài ra bị cáo có mẹ đẻ là bà Tạ Tố Uyên được Chủ tịch Nước tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang vào năm 2016, nên Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự không có.

[5] Xét về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, do năm 2010 bị Công an thành phố Lạng Sơn xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng và năm 2017 bị Công an quận Thanh Xuân, Hà Nội xử phạt hành chính về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy.

[6] Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện, đến nay bị cáo không có biểu hiện vi phạm pháp luật mới, đã thực sự hối cải, có khả năng tự cải tạo vì vậy cần áp dụng mức hình phạt cải tạo không giam giữ dưới mức cao nhất của khung hình phạt là phù hợp nhằm giáo dục, răn đe bị cáo và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa tội phạm nói riêng. Qua xác minh thấy rằng bị cáo không có công việc ổn định, không sở hữu tài sản riêng nên xét thấy không cần thiết phải khâu trừ thu nhập đối với bị cáo. Về hình phạt

bổ sung là phạt tiền: Phạt bổ sung đối với bị cáo số tiền là 30.000.000đ mới đủ sức răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền gốc những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả cho bị cáo tổng là 408.900.000đ là tiền bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần truy thu đối với bị cáo để sung ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định của Bộ luật dân sự là 10.810.000đ, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên cần tịch thu đối với bị cáo để sung ngân sách Nhà nước.

[8] Đối với khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là khoản tiền mà bị cáo thu lợi bất chính của người vay nên cần buộc bị cáo có trách nhiệm trả lại cho người vay tiền, cụ thể: Buộc bị cáo trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 4.452.055đ; trả cho chị Nguyễn Thị Hoàng T số tiền là 1.726.027đ; trả cho chị Trần Thị Minh H số tiền là 23.986.300đ; trả cho chị Đinh Thị B, số tiền là 5.452.054đ; trả cho bà Lương Thị S số tiền là 13.839.726đ; trả cho bà Đỗ Thị L số tiền là 4.452.054đ; trả cho anh Chu Thành C số tiền là 3.452.055đ; trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền là 2.726.027đ; trả cho chị Nguyễn Như Q số tiền là 6.678.082đ; trả cho bà Đặng Thị H số tiền là 2.226.627đ; trả cho chị Hoàng Thu T số tiền là 2.226.027đ; trả cho chị La Thu T số tiền là 15.719.176đ; trả cho anh Hà Minh T số tiền là 1.780.822đ; trả cho anh Đoàn Trung K số tiền là 322.603đ.

[9] Quá trình điều tra xác định những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã vay tiền của bị cáo Phạm Minh Anh T hiện chưa trả hết nợ gốc cho bị cáo. Xác định đây là giao dịch dân sự vô hiệu và số tiền nợ gốc chưa trả là tiền bị cáo đã dùng vào việc phạm tội, nên cần truy thu đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để sung vào Ngân sách nhà nước, cụ thể: Truy thu của chị Nguyễn Thị T số tiền là 10.000.000đ; truy thu của chị Nguyễn Thị Hoàng T số tiền là 900.000đ; truy thu của bà Lương Thị S số tiền là 7.200.000đ; truy thu của chị Nguyễn Như Q số tiền là 5.000.000đ; truy thu của bà Đặng Thị H số tiền là 7.000.000đ; truy thu của chị Hoàng Thu T số tiền là 4.000.000đ.

[10] Đối với việc bị cáo cho chị Ngô Thị Hường vay 30.000.000đ, do quen biết nên bị cáo không lấy tiền lãi. Các khoản vay ngày 19/8/2019 và 21/8/2019 của bà Đỗ Thị L vay bị cáo mỗi lần 5.000.000đ, bị cáo không tính lãi. Và việc bị cáo cho Triệu Tiến Đạt vay tiền 06 lần nhưng do là bạn bè thân thiết nên bị cáo không lấy tiền lãi. Riêng ngày 17/7/2019 Triệu Tiến Đạt vay bị cáo 30.000.000đ và tự nguyện đưa cho bị cáo 6.000.000đ là quà của Triệu Tiến Đạt tặng cho con gái của bị cáo. Xác định các khoản vay giữa Phạm Minh Anh T và Ngô Thị Hường, Triệu Tiến Đạt, Đỗ Thị L nêu trên là những khoản vay không tính lãi, là quan hệ dân sự, cơ quan điều tra không xử lý, nay Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Đối với bà Hoàng Thị Hiền khai được vay tiền cắt lãi xuất cao với bị cáo nhưng bị cáo không thừa nhận. Quá trình điều tra, ngày 05/01/2020 bà Hoàng Thị Hiền chết, ngoài lời khai của bà Hoàng Thị Hiền, không có tài liệu

nào chứng minh bị cáo đã cho bà Hoàng Thị Hiên vay tiền với lãi suất cao nên không đủ căn cứ xử lý, nay Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với hành vi bị cáo Phạm Minh Ánh T gây thương tích cho chị Nguyễn Thị T, quá trình điều tra chị Nguyễn Thị T từ chối giám định và không yêu cầu giải quyết, Cơ quan điều tra không xử lý, nay Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Tiếp tục duy trì lệnh phong tỏa đối với tài khoản số 190.30097176.66.0 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam chi nhánh tỉnh Lạng Sơn mang tên Phạm Minh Anh T theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 03/LPTTK-CQĐT ngày 09/12/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn và biên bản phong tỏa tài khoản ngày 10/12/2019 để đảm bảo thi hành án. Đối với số tiền 36.000.000đ có trong tài khoản, xác định là của chị Nguyễn Thị Thùy L, nên bị cáo Phạm Minh Anh T có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Thùy L sau khi lệnh phong tỏa bị hủy bỏ.

[14] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1; khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đối với 01 sổ tiết kiệm có kỳ hạn số AC 00017057501 ngân hàng Agribank mang tên Phạm Hồng P; 01 Chứng nhận kiểm định số KC 7204830, biển số đăng ký 12A - 109.** và 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, màu đen, số máy 0408377, số khung 227497, biển kiểm soát 12P1 - 146.**, quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn đã trả lại cho chủ sở hữu, nay Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 7 Plus, màu đen, số IMEI: 355834086019398, dung lượng 32Gb, màn hình bị nứt vỡ thu của bị cáo là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Đối với 11 tờ mẫu giấy A4 đề “Giấy vay tiền” + 08 tờ mẫu giấy A4 đề “Hợp đồng cho thuê xe ô tô - xe máy tự lái” + 01 tờ giấy vay tiền mang tên Đoàn Trung K, sinh năm 1994, trú tại số 61, đường B5, phường H, TP. Lạng Sơn + 01 tờ giấy kê ngang đề giấy vay tiền mang tên Trần Thị Minh H, sinh năm 1994 đề ngày 13/5/2019 là đồ vật liên quan trong vụ án, hiện không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 ví da màu đen, kích thước 29 cm x 20 cm thu của bị cáo và 01 thẻ ngân hàng Techcombank mang tên bị cáo không liên quan trong vụ án nên tuyên trả cho bị cáo. Đối với 01 chứng minh nhân dân số 0822*5698 mang tên Lã Nguyệt A là giấy tờ tùy thân nên tuyên trả cho chị Lã Nguyệt A. Đối với 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Phạm Tố O là giấy tờ cá nhân nên tuyên trả cho chị Phạm Tố O.

[15] Xét lời luận tội, mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo và lời bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa có phần phù hợp, có phần quá nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét và quyết định.

[16] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36, Điều 47; khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 262; Điều 331 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 123, 131 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; khoản 1, 3 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Minh Anh T phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Phạm Minh Anh T 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Phạm Minh Anh T cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Phạm Minh Anh T có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.3. Không áp dụng biện pháp khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Phạm Minh Anh T.

2.4. Phạt bổ sung bị cáo Phạm Minh Anh T 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1. Truy thu đối với bị cáo Phạm Minh Anh T tổng số tiền 419.710.000đ (bốn trăm mười chín triệu bảy trăm mười ngàn đồng) để sung Ngân sách Nhà nước, gồm 408.900.000đ (bốn trăm linh tám triệu chín trăm ngàn đồng) là tiền gốc người vay đã trả bị cáo và 10.810.000đ (mười triệu tám trăm mười ngàn đồng) là tiền lãi tương ứng với mức 20%/năm theo quy định.

3.2. Buộc bị cáo Phạm Minh Anh T phải có trách nhiệm trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa liên quan đến vụ án tổng số tiền là 89.039.035đ (tám mươi chín triệu không trăm ba mươi chín ngàn không trăm ba mươi lăm đồng), cụ thể:

Trả lại cho chị Nguyễn Thị T số tiền là 4.452.055đ (bốn triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn không trăm năm mươi lăm đồng);

Trả cho chị Nguyễn Thị Hoàng T số tiền là 1.726.027đ (một triệu bảy trăm hai mươi sáu ngàn không trăm hai bảy đồng);

Trả cho chị Trần Thị Minh H số tiền là 23.986.300đ (hai mươi ba triệu chín trăm tám mươi sáu ngàn ba trăm đồng);

Trả cho chị Đinh Thị B, số tiền là 5.452.054đ (năm triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn không trăm năm bốn đồng);

Trả cho bà Lương Thị S số tiền là 13.839.726đ (mười ba triệu tám trăm ba mươi chín ngàn bảy trăm hai sáu đồng);

Trả cho bà Đỗ Thị L số tiền là 4.452.054đ (bốn triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn không trăm năm bốn đồng);

Trả cho anh Chu Thành C số tiền là 3.452.055đ (ba triệu bốn trăm năm mươi hai ngàn không trăm năm năm đồng);

Trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền là 2.726.027đ (hai triệu bảy trăm hai mươi sáu ngàn không trăm hai bảy đồng);

Trả cho chị Nguyễn Như Q số tiền là 6.678.082đ (sáu triệu sáu trăm bảy mươi tám ngàn không trăm tám hai đồng);

Trả cho bà Đặng Thị H số tiền là 2.226.027đ (hai triệu hai trăm hai sáu ngàn không trăm hai bảy đồng);

Trả cho chị Hoàng Thu T số tiền là 2.226.027đ (hai triệu hai trăm hai sáu ngàn không trăm hai bảy đồng);

Trả cho chị La Thu T số tiền là 15.719.176đ (mười lăm triệu bảy trăm mười chín ngàn một trăm bảy sáu đồng);

Trả cho anh Hà Minh T số tiền là 1.780.822đ (một triệu bảy trăm tám mươi ngàn tám trăm hai hai đồng);

Trả cho anh Đoàn Trung K số tiền là 322.603đ (ba trăm hai hai ngàn sáu trăm linh ba đồng).

Khi Bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành, nếu bên phải thi hành chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Lãi suất phát sinh chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3.3. Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án còn nợ tiền gốc của bị cáo Phạm Minh Anh T, phải nộp lại số tiền còn nợ để tịch thu sung Ngân sách Nhà nước, cụ thể:

Chị Nguyễn Thị T phải nộp số tiền là 10.000.000đ (mười triệu đồng);

Chị Nguyễn Thị Hoàng T phải nộp số tiền là 900.000đ (chín trăm ngàn đồng);

Bà Lương Thị S phải nộp số tiền là 7.200.000đ (bảy triệu hai trăm ngàn đồng);

Chị Nguyễn Như Q phải nộp số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng);

Bà Đặng Thị H phải nộp số tiền là 7.000.000đ (bảy triệu đồng);

Chị Hoàng Thu T phải nộp số tiền là 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

3.4. Tiếp tục duy trì lệnh phong tỏa tài khoản số 190.30097176.66.0 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam chi nhánh tỉnh Lạng Sơn mang tên Phạm Minh Anh T theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 03/LPTTK-CQĐT (ĐTTH) ngày 09/12/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Lạng Sơn và biên bản phong tỏa tài khoản ngày 10/12/2019 để đảm bảo thi hành án. Bị cáo Phạm Minh Anh T có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Thùy L (vợ bị cáo) số tiền 36.000.000đ sau khi lệnh phong tỏa bị hủy bỏ.

4. Về xử lý vật chứng:

4.1. Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 7 Plus, màu đen, số IMEI: 355834086019398, dung lượng 32Gb, màn hình bị nứt vỡ.

4.2. Tịch thu tiêu hủy gồm: 11 tờ mẫu giấy A4 đề “Giấy vay tiền” + 08 tờ mẫu giấy A4 đề “Hợp đồng cho thuê xe ô tô - xe máy tự lái” + 01 tờ giấy vay tiền mang tên Đoàn Trung K, sinh năm 1994, trú tại số 61, đường B5, phường H, TP. Lạng Sơn + 01 tờ giấy kê ngang đề giấy vay tiền mang tên Trần Thị Minh H, sinh năm 1994 đề ngày 13/5/2019.

4.3. Trả cho bị cáo Phạm Minh Anh T 01 ví da màu đen, kích thước 29 cm x 20 cm + 01 thẻ ngân hàng Techcombank mang tên bị cáo Phạm Minh Anh T. Trả cho chị Lã Nguyệt A 01 chứng minh nhân dân số 0822*5698 mang tên Lã Nguyệt A. Trả cho chị Phạm Tố O 01 thẻ ngân hàng BIDV mang tên Phạm Tố O.

(Vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Lạng Sơn theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02/6/2020).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Minh Anh T phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng bị cáo Phạm Minh Anh T phải nộp số tiền án phí là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thùy L có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu

thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo, người CQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thanh